

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DSST
Ngày 23/3/2018
V/v: “Tranh chấp
HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-DS ngày 26/7/2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXX ngày 27/11/2017, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số nhà 69, đường Trường Chinh, Khu 3, thị trấn Thắng, Hiệp Hòa (có mặt)

2/Bị đơn: Anh Ngô Duy N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 21, đường Trường Chinh, Khu 3, thị trấn Thắng, Hiệp Hòa (vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị H, sinh 1960 (là vợ và cùng địa chỉ với ông C, ủy quyền cho ông C đại diện)
- Bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ và ở cùng địa chỉ với anh N) – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/6/2017, bản tự khai ngày 27/7/2017, nguyên đơn là ông Dương Văn C trình bày: Gia đình ông và gia đình bà Nguyễn Thị M có quan hệ đi lại thân thiết. Ngày 16/4/2011, vợ chồng ông có cho anh Ngô Duy N (là con trai bà M) vay số tiền 30.000.000đ, có giấy vay tiền do anh N trực tiếp viết. Đến ngày 13/5/2011, bà M điện thoại cho ông hỏi vay tiếp số tiền 50.000.000đ và nhờ anh N đến nhận hộ. Ông đồng ý và đã đưa cho anh N số tiền 50.000.000đ, anh N có viết giấy vay tiền cho ông. Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng ông đã cho bà M và anh N vay là 80.000.000đ, khi vay hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất và thời hạn trả nợ đến khi nào ông đòi lại. Từ đó cho đến nay, mặc dù ông đã đòi rất nhiều lần nhưng bà M mới trả cho ông được 10.000.000đ tiền lãi. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà M và anh N phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc đã vay là 80.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25/8/2017, bị đơn là anh Ngô Duy N thừa nhận có vay số tiền 80.000.000đ của vợ chồng ông C vào thời gian như ông C đã trình bày. Cho đến nay, do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên mẹ đẻ anh là bà M mới trả cho ông C được 20.000.000đ tiền lãi. Nay anh vẫn nhất trí trả cho vợ chồng ông C số tiền gốc là 80.000.000đ nhưng anh xin được trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và giao các văn bản tố tụng nhưng bà M không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu đòi số nợ gốc là 80.000.000đ vì sau nhiều lần đòi, bà M đã trả cho ông được 10.000.000đ tiền lãi, nay ông tự nguyện không đòi thêm tiền lãi nữa. Bị đơn là anh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N phải trả cho vợ chồng ông C số tiền 80.000.000đ tiền gốc, đồng thời buộc anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tạm ứng án phí cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù anh Ngô Duy N là bị đơn và bà Nguyễn Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh N và bà M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Qua sự thừa nhận của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn xuất trình, có đủ cơ sở xác định Anh Ngô Duy N vay của vợ chồng ông Dương Văn C tổng số tiền 80.000.000đ vào các ngày 16/4/2011 (vay 30.000.000đ) và 13/5/2011 (vay 50.000.000đ). Mặc dù trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận khi nào vợ chồng ông C đòi thì bên vay phải trả. Cho đến nay, ông C đã đòi nhiều lần nhưng anh N lấy lý do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn chưa trả tiền gốc cho ông C. Việc anh N không trả nợ cho vợ chồng ông C khi ông C đòi nợ là vi phạm cam kết, thỏa thuận giữa đôi bên, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả của bên vay, đây Cnh là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của anh N đối với vợ chồng ông C nên việc ông C khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại các Điều 471, 474 và 280, 281 – Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong đơn khởi kiện, ông C yêu cầu bà M (là mẹ đẻ anh N) phải có nghĩa vụ cùng với anh N trả nợ cho ông, tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ do ông C xuất trình thể hiện giao dịch vay tiền chỉ do anh N ký kết, do vậy không có cơ sở để buộc bà M có nghĩa vụ cùng với anh N trả nợ cho ông C.

Về vấn đề lãi suất, xét thấy giao dịch vay tiền do đôi bên ký kết là giao dịch vay có lãi vì trên thực tế hai bên đều thừa nhận đã thanh toán lãi cho nhau, tuy nhiên không xác định được rõ lãi suất mà đôi bên thỏa thuận nên nếu ông C yêu cầu tính lãi thì sẽ áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm hiện nay để tính lãi buộc anh N phải trả cho vợ chồng ông C. Cụ thể là:

$$(80.000.000đ \times 9\% \times 6 \text{ năm}) + (80.000.000đ \times 0,75\% \times 10 \text{ tháng}) + (80.000.000đ \times 0,75\% : 30 \times 10 \text{ ngày}) = 49.400.000đ.$$

Theo anh N trình bày thì bà M (mẹ đẻ anh N) đã trả cho ông C được 20.000.000đ tiền lãi nhưng ông C chỉ thừa nhận bà M trả cho ông được 10.000.000đ. Anh N không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã trả cho ông C được 20.000.000đ nên chỉ có cơ sở xác định anh N đã trả lãi cho ông C được 10.000.000đ. Như vậy, số tiền lãi mà anh N đã trả thấp hơn nhiều so với số tiền lãi mà đáng lẽ anh N phải trả nếu ông C yêu cầu nên việc ông C tự nguyện không đòi thêm tiền lãi nữa là có cơ sở chấp nhận mà không cần thiết phải xem xét tính toán lại số tiền lãi 10.000.000đ anh N đã trả. Việc thay đổi yêu cầu của ông C tại phiên tòa là M toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 244 – Bộ luật tố tụng dân sự, cần buộc anh N phải trả cho vợ chồng ông C số tiền gốc đã vay là 80.000.000đ.

* Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông C tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273, 244 - Bộ luật tố tụng dân sự (2015); các Điều 281, 471, 474, 476 – Bộ luật dân sự (2005) và Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Buộc anh Ngô Duy N phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Dương Văn C – bà Vũ Thị H (do ông C đại diện) số tiền gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Anh Ngô Duy N phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng án phí dân sự sơ thẩm..

Trả lại cho ông Dương Văn C số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001729 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà